

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/KDTM-PT

Ngày: 28-01-2026

“V/v Tranh chấp hợp đồng khoán việc”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phụng

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Tăng, ông Trương Quang Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông Hà - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2025/TLPT-KDTM ngày 28/11/2025 về việc Tranh chấp hợp đồng khoán việc. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/KDTM-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Hưng Yên bị kháng cáo và kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 237/2025/QĐ-PT ngày 30/12/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH T. Người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Văn N, chức vụ Giám đốc. Địa chỉ trụ sở tại số B đường P, tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nay là phường T, tỉnh Hưng Yên; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Phạm Văn H, Văn phòng L, Đoàn Luật sư tỉnh H, có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH X. Người đại diện theo pháp luật là ông Lê Mạnh V, chức vụ Giám đốc. Địa chỉ trụ sở tại phố Đ, xã X, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nay là xã N, tỉnh Hưng Yên, có mặt.

3. *Cơ quan kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên.

4. *Đương sự có kháng cáo:* Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH T trình bày:

Ngày 04/11/2020, Công ty TNHH T và Công ty TNHH X ký Hợp đồng khoán việc số 01/2020/ HĐKV/MQ-HP, theo đó Công ty T nhận thi công các hạng mục nền, móng đường, vỉa hè, thoát nước mưa, thoát nước thải thuộc Dự án Đầu tư phát triển nhà ở thương mại khu dân cư giáp khu tái định cư xã Đ, thành phố T

theo hồ sơ thiết kế được chủ đầu tư phê duyệt. Tổng giá trị hợp đồng theo thỏa thuận ước tính là 3.888.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T tổ chức thi công công trình và cho rằng khối lượng thực tế đã được hai bên đo đạc thống nhất, đồng thời phát sinh một số chi phí ngoài hợp đồng. Theo nguyên đơn, tổng số tiền Công ty X phải thanh toán là 4.105.114.286 đồng, trong đó đã thanh toán 3.112.940.000 đồng, còn thiếu 992.174.286 đồng. Sau khi Công ty X quyết toán với chủ đầu tư, hai bên không thống nhất được giá trị thanh toán do Công ty X đưa ra số tiền quyết toán thấp hơn, không cung cấp hồ sơ quyết toán và không cho Công ty T tham gia nghiệm thu. Do đó, Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty X thanh toán số tiền còn thiếu 992.174.286 đồng và tiền lãi chậm thanh toán 230.000.000 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH X trình bày: Hợp đồng khoán việc số 01/2020/HĐKV/MQ-HP là hợp đồng theo đơn giá cố định, khối lượng công việc được xác định theo phụ lục kèm theo hợp đồng gồm 157 hạng mục. Việc thanh toán phải căn cứ vào khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu theo thỏa thuận. Trong quá trình thực hiện, Công ty T không thực hiện đầy đủ một số hạng mục, vi phạm tiến độ và yêu cầu kỹ thuật, nên Công ty X phải thuê đơn vị khác thi công để bảo đảm tiến độ với chủ đầu tư. Hai bên chưa có biên bản nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu hoàn thành và hồ sơ quyết toán theo hợp đồng. Số tiền Công ty X đã thanh toán cho Công ty T là tiền tạm ứng và đã vượt giá trị khối lượng công việc mà Công ty T thực hiện theo khối lượng được chủ đầu tư chấp thuận, nên Công ty X không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2025/KDTM-ST ngày 29/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên đã không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T về việc buộc Công ty TNHH X thanh toán số tiền 992.174.286 đồng và tiền lãi chậm thanh toán 230.000.000 đồng.

Sau khi bản án sơ thẩm được tuyên, Công ty TNHH T kháng cáo trong thời hạn luật định, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Hưng Yên có kháng nghị, cho rằng việc không tổ chức nghiệm thu theo hợp đồng là lỗi của cả hai bên và đề nghị căn cứ hồ sơ nghiệm thu, quyết toán giữa nhà thầu chính và Công ty X để sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo pháp luật của các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, thống nhất với nhau về khoản tiền phải thanh toán, theo đó bị đơn sẽ trả nguyên đơn 185.000.000 đồng; các bên cùng chịu án phí theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến về tố tụng cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án phúc thẩm. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tổ tụng và phạm vi xét xử phúc thẩm

Nguyên đơn Công ty TNHH T kháng cáo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên có kháng nghị đối với bản án sơ thẩm theo thẩm quyền. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét vụ án theo trình tự phúc thẩm. Tuy nhiên, việc giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm được thực hiện trên cơ sở các tình tiết phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên có kháng nghị đối với bản án sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự được xác lập tại phiên tòa phúc thẩm là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được công nhận.

Việc sửa bản án sơ thẩm trong trường hợp này là hệ quả pháp lý của việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định của pháp luật, không đặt ra việc xem xét, đánh giá nội dung kháng cáo và kháng nghị về giải quyết tranh chấp.

[4]. Về án phí

Do vụ án được giải quyết theo thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm nên nghĩa vụ chịu án phí được xác định theo khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Theo đó, Công ty TNHH T là người kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Đối với án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, các đương sự thỏa thuận mỗi bên chịu một nửa trên giá trị nghĩa vụ được thỏa thuận là 185.000.000 đồng, tương ứng mỗi bên phải chịu 4.625.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2025/KDTM-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Công ty TNHH X thanh toán cho Công ty TNHH T số tiền 185.000.000 đồng.
2. Về án phí:

Công ty TNHH T phải chịu 4.625.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 2.000.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, tổng cộng 6.625.000 đồng.

Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.300.000 đồng tại biên lai thu số 0003223 ngày 13/6/2024; biên lai thu số 0003452 ngày 13/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình (nay là Thi hành án dân sự khu vực 7, Hưng Yên); biên lai thu số 000229 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, hoàn trả Công ty TNHH T số tiền 20.675.000 đồng.

Công ty TNHH X phải chịu 4.625.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Kể từ ngày bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty TNHH X chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền đã thỏa thuận, thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành.
4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 7-Hưng Yên;
- TAND khu vực 7-Hưng Yên;
- Đương sự;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu HS vụ án, VpTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Phụng